

PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG VÙNG BỜ TỈNH BẾN TRE ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

NGUYỄN THỊ THU HÀ, LƯƠNG VĂN VIỆT

*Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường, Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;
luongvanviet@iuh.edu.vn*

Tóm tắt. Mục đích của nghiên cứu này nhằm phân vùng chức năng khai thác và sử dụng vùng bờ tỉnh Bến Tre. Từ các phương pháp như điều tra, khảo sát hiện trạng vùng bờ, phân tích nhu cầu khai thác và sử dụng vùng bờ theo quy hoạch của các ngành, chồng chập bản đồ và chia lưới cho điểm theo giá trị tài nguyên sinh thái cũng như nhu cầu phát triển kinh tế, vùng bờ tỉnh Bến Tre được chia thành 04 loại vùng và 08 tiểu vùng. Mỗi vùng và tiểu vùng có những đặc điểm riêng, chức năng riêng và giữ một vị trí nhất định trong vùng bờ. Kết quả phân vùng chức năng khai thác và sử dụng vùng bờ tỉnh Bến Tre là cơ sở khoa học để đưa ra các định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên, nguồn lợi và bảo vệ môi trường vùng bờ, tạo tiền đề xây dựng chiến lược quản lý tổng hợp vùng bờ, góp phần hướng tới phát triển bền vững vùng bờ tỉnh Bến Tre.

Từ khóa. Vùng bờ; Phân vùng; Phát triển bền vững vùng bờ; Quản lý tổng hợp vùng bờ; Khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ.

PARTITION FUNCTION FOR EXPLOITATION AND USE IN COASTAL AREA OF BEN TRE PROVINCE TO 2020 AND ORIENTATION TO 2030

Abstract. From methods such as surveying of coastal area, analyzing demand for exploitation and use of coastal area according to the planning of branches, overlapping maps and meshing according to the value of ecological resources as well as the need for economic development, it is possible to divide the coastal area of Ben Tre province into 04 regions and 08 sub-regions. Each region and sub-region has its own characteristics, functions and location in the coastal area. The results of functional and exploitation zoning of the coastal area of Ben Tre are the scientific basis for the orientations for exploitation and use of resources, environmental coastal area protection, creating a premise for construction of Integrated Coastal Management Strategy, contributing towards sustainable development of coastal area in Ben Tre.

Keywords. Coastal area; Partition; Sustainable development of coastal area; Integrated Coastal Management; Exploitation and use of coastal resources.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, việc phân vùng đã được sử dụng rộng rãi trong quy hoạch đô thị, điều chỉnh sử dụng đất ở Bắc Mỹ, châu Âu và Úc,... Trong đó ngay từ cuối thế kỷ 19, các thành phố của châu Âu tiến hành phân vùng chức năng, thành phố New York phân vùng đầu tiên vào năm 1916. Vào cuối những năm 1920, nhiều nước đã thực hiện việc điều chỉnh phân vùng chức năng đáp ứng nhu cầu phát triển. UN-Habitat và UNEP (2008), trong tài liệu hướng dẫn xây dựng Hệ thống thông tin quản lý môi trường, thuộc Chương trình vì các thành phố bền vững (Sustainable Cities Programme), đã giới thiệu phân vùng như là một trong những công cụ đắc lực không thể thiếu trong việc xây dựng một khung quản lý môi trường hiệu quả cho một khu vực lãnh thổ. Áp dụng thành công phương pháp phân vùng trong quản lý tổng hợp vùng bờ, tại Trung Quốc, quy hoạch sử dụng biển được triển khai thông qua phân vùng chức năng biển. Theo Ủy ban Rà soát các Tiêu chuẩn Khoa học Kỹ thuật Quốc gia, thì quy hoạch sử dụng biển là hoạt động cơ bản phân các khu vực biển thành những vùng chức năng khác nhau để đưa ra cơ sở khoa học cho sự phát triển, bảo vệ và quản lý biển, phù hợp với các tiêu chí phân vùng chức năng biển, đặc biệt là các chức năng sinh thái và tính ưu tiên sử dụng đối với mỗi vùng cụ thể. Năm 2012, Quốc hội Trung Quốc đã

thông qua và cho triển khai Sơ đồ phân vùng chức năng biển quốc gia cho giai đoạn 2011-2020, với 8 loại vùng bao gồm: Vùng cảng và vận tải biển; Vùng nông nghiệp và thủy sản; Vùng bảo tồn biển; Vùng khoáng sản và năng lượng; Vùng du lịch, nghỉ dưỡng; Vùng công nghiệp và đô thị; Vùng sử dụng đặc biệt; Vùng dành cho các loại hình sử dụng khác[4].

Tại các nước trong khu vực Nam Đông Á, cách tiếp cận quy hoạch không gian chủ yếu đang triển khai ở cấp địa phương và thể hiện qua các kế hoạch phân vùng sử dụng vùng bờ địa phương, như Bali (Indonesia), Bataan, Batangas (Philippin), Sihanoukville (Campuchia),... Trong các kế hoạch này, công tác sắp xếp, hoàn thiện thể chế để triển khai phân vùng được chú trọng. Các vùng biển cụ thể, cũng như các quy định sử dụng đối với từng vùng trong các kế hoạch phân vùng đó được đưa ra ở mức độ ban đầu và trong quá trình triển khai sẽ dần dần được cụ thể hóa, chi tiết hóa, song song với việc hoàn thiện thể chế quản lý vùng bờ. Cùng với sự giúp đỡ của Hiệp hội Quản lý Môi trường Biển vùng Đông Á (viết tắt là PEMSEA), năm 2007 tỉnh Bataan của Phillipin đã thành công trong phân vùng vùng biển và vùng bờ để quản lý tổng hợp. Kết quả là 12 vùng đã được phân chia, trong đó có 05 vùng sử dụng đất, còn lại là cho biển ven bờ và vùng triều, cửa sông. Việc phân chia cho phép tối ưu hoá hiệu quả sử dụng vùng bờ, hài hoà lợi ích giữa các bên liên quan và đảm bảo công khai lợi ích của người dân địa phương [3].

Qua các điều tra nghiên cứu và thực tế cho thấy, hiện nay việc khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển nước ta nói chung và ở Bến Tre nói riêng đang đối mặt với nhiều thách thức. Việc sử dụng thiếu bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên dẫn đến sự suy giảm các tài nguyên sinh vật; suy thoái các khu hệ sinh thái; suy giảm chất lượng môi trường sống; suy thoái đất canh tác ven biển, đặc biệt là môi trường nước biển ven bờ. Cùng với quá trình phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, chất thải do các hoạt động thải ra biển ngày càng nhiều, làm tăng nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học vùng ven biển, đặc biệt đối với rừng ngập mặn, đất ngập nước; gia tăng sự cố môi trường biển: tràn dầu, xói lở đường bờ; suy thoái các nguồn nước ngầm ven biển do hoạt động phát triển kinh tế-xã hội gia tăng, thay đổi hệ sinh thái do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Mặt khác, có thể thấy các quy hoạch sử dụng đất ven bờ, mặt nước nuôi trồng thủy sản, vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên, nảy sinh mâu thuẫn giữa những người sử dụng, đặc biệt ở những nơi dành cho sử dụng đa mục tiêu. Đối với vùng biển và ven biển, nơi phát sinh nhiều vấn đề sử dụng không gian và tài nguyên, các quy hoạch, phân vùng chưa được thực hiện.

Phân vùng liên quan chặt chẽ đến quy hoạch sử dụng đất đai và là một giai đoạn của công tác lập quy hoạch. Tuy nhiên, trong các quy hoạch phát triển, việc phân vùng còn nhiều trùng lặp, kẽ hở, và trong một số trường hợp, dẫn đến sự xuống cấp, cạn kiệt của các nguồn tài nguyên, bất cập trong sử dụng đa mục tiêu và gây nảy sinh mâu thuẫn giữa những người sử dụng. Hiện nay, đối với quản lý sử dụng vùng biển và ven biển, việc quy hoạch chi tiết còn rất ít; ngay cả phân vùng vẫn còn khá mới và rất khó đối với nhà quản lý. Phân vùng sử dụng vùng biển và ven biển lại càng phức tạp vì phải tính đến sự tương tác giữa lục địa và biển, đến các kế hoạch phân vùng, quy hoạch sử dụng đất hiện tại; cũng như cơ chế, thể chế liên quan hiện hành, không dễ để có thể điều chỉnh [5]. Vì vậy, việc phân vùng chức năng khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ là rất quan trọng và cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp kế thừa có chọn lọc

Các yếu tố tự nhiên, các hoạt động phát triển trong vùng bờ đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu trước, vì vậy việc đầu tiên là tham khảo những tài liệu đã có theo định hướng phân vùng, lựa chọn những nét đặc trưng theo từng yếu tố tự nhiên, từ đó xác định các vấn đề cần điều tra, khảo sát bổ sung và chính xác hoá.

Các dữ liệu, thông tin kế thừa bao gồm:

- Điều kiện tự nhiên, môi trường vùng bờ;
- Tiềm năng tài nguyên và tình hình khai thác sử dụng tại vùng bờ;
- Điều kiện kinh tế - xã hội của vùng đới bờ;
- Thể chế, chính sách quản lý của tỉnh đối với vùng bờ của tỉnh;
- Các vấn đề về mâu thuẫn sử dụng đa mục tiêu, đa ngành;

- Các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, các ngành, của vùng và quốc gia;
- Các bản đồ quy hoạch và các loại bản đồ liên quan khác.

Các thông tin, tài liệu, số liệu thu thập được sẽ được tổng hợp, xử lý, đánh giá và sàng lọc. Các thông tin còn thiếu sẽ được khảo sát, điều tra bổ sung. Các thông tin, tài liệu và số liệu được thu thập tại các Sở, Ban Ngành của Tỉnh như: Cục Thống kê, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện ven biển... Tất cả các tài liệu, dữ liệu được kế thừa từ các báo cáo, các loại bản đồ: bản đồ sử dụng đất, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch của các ngành...từ các dự án đã thực hiện. Sau khi thu thập và điều tra bổ sung sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu thực hiện trên phần mềm ứng dụng ArcGIS

2.2. Phương pháp điều tra khảo sát thực địa

Phương pháp này nhằm đánh giá hiện trạng tự nhiên của vùng, nghiên cứu tính đặc thù sinh thái của từng tiểu vùng, tạo dựng cơ sở khoa học cho việc phân chia vùng bờ thành các vùng và các tiểu vùng hoặc á tiểu vùng, đồng thời xác định đặc trưng của chúng.

Công việc khảo sát, điều tra thông tin bao gồm:

- Điều tra và khảo sát hiện trạng một số khu vực như: hiện trạng đường bờ, nuôi trồng và khai thác thủy hải sản các khu vực biển ven bờ, hiện trạng thu gom và xử lý rác thải vùng ven biển...để bổ sung thông tin.

- Công tác khảo sát thực địa có sử dụng máy GPS cầm tay để lưu vị trí tọa độ các khu vực. Khảo sát các khu vực nuôi trồng thủy hải sản, bãi bồi, các cồn gần bờ thuộc phạm vi vùng đới bờ thuộc 03 huyện ven biển của tỉnh.

Thời gian điều tra, khảo sát vùng bờ và thu thập các tài liệu, dữ liệu được thực hiện trong thời gian 2 tháng: tháng 01 và tháng 02 năm 2018.

2.3. Phương pháp phân vùng

Các phương pháp chính được sử dụng trong phân vùng bao gồm [1]:

a. Phương pháp chồng chập bản đồ

Việc chồng chập các lớp bản đồ liên quan đến hiện trạng và quy hoạch sử dụng không gian vùng bờ của nhu cầu quốc phòng, an ninh; nhu cầu bảo tồn giá trị tự nhiên, sinh thái vùng bờ và các ngành kinh tế (lớp hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất, lớp hiện trạng và quy hoạch nuôi trồng thủy sản...) cho thấy sự hiện hữu hoặc tiềm ẩn các mâu thuẫn (chồng lấn) trong sử dụng tài nguyên, không gian vùng bờ.

b. Phương pháp lập ma trận mâu thuẫn trong phân tích mâu thuẫn

Đây là phương pháp nhằm xác định tính tương thích hay mâu thuẫn giữa các hoạt động trong một vùng cụ thể ở vùng bờ: giữa hoạt động bảo tồn với các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên và giữa các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên với nhau. Phương pháp ma trận chỉ được thực hiện khi đã xác định được các vùng có chồng lấn về không gian và vùng bờ bước đầu đã được phân thành các mảng không gian khác nhau cho các mục đích sử dụng khác nhau.

Phương pháp này được sử dụng để phân tích mâu thuẫn giữa các hoạt động như:

- Nuôi trồng thủy sản và an ninh quốc phòng;
- Rừng phòng hộ và nuôi trồng thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản và du lịch;
- Nuôi trồng thủy sản và hoạt động cảng biển.

c. Phương pháp chia lưới, cho điểm để đánh giá mức độ ưu tiên của các hoạt động khai thác, sử dụng vùng bờ

Phương pháp này dựa trên công cụ ArcGIS và nguyên tắc chia không gian vùng nghiên cứu thành các ô lưới. Toàn bộ không gian vùng bờ tỉnh Bến Tre được chia lưới với kích thước ô lưới là 200m x 200m. Các thành phần xem xét trong các ô lưới bao gồm tài nguyên sinh thái và tiềm năng phát triển kinh tế. Tiến hành tái phân loại các thành phần này theo một thang điểm cho trước rồi xác định thành phần tổng hợp bằng phương pháp chồng lớp. Từ sản phẩm chồng lớp giúp ta đưa ra các quyết định trong việc phân vùng chức năng khai thác vùng ven bờ.

Các đối tượng tài nguyên, sinh thái biển và ven biển được cho điểm dựa trên mức độ giá trị tài nguyên sinh thái, mà trong phân vùng này được phân thành 3 mức: cao, trung bình, thấp (tương ứng với điểm 1, 2, 3). Các quy hoạch phải đảm bảo tính bền vững về môi trường, cần ưu tiên bảo vệ các khu vực có giá trị tài nguyên sinh thái cao, hay các vùng có giá trị tài nguyên sinh thái cao sẽ có điểm thấp. Vì vậy, vùng có giá trị tài nguyên, sinh thái cao sẽ được quy định ở mức 1 điểm và ngược lại.

Dựa trên các tài nguyên, sinh thái của vùng bờ tỉnh Bến Tre, có thể phân vùng bờ của tỉnh theo giá trị tài nguyên, sinh thái với các loại như sau: 1)Vùng có giá trị tài nguyên, sinh thái cao: rừng phòng hộ, các điểm bãi nghêu, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước; 2)Vùng có giá trị tài nguyên, sinh thái trung bình: bãi bồi, cửa sông; 3)Vùng chưa xác định giá trị tài nguyên, sinh thái cụ thể. Bảng 1 là bảng cho điểm các đối tượng tài nguyên, sinh thái vùng bờ.

Bảng 1: Bảng cho điểm các đối tượng tài nguyên, sinh thái vùng bờ

STT	Giá trị tài nguyên, sinh thái	Điểm
1	Rừng phòng hộ	1
2	Các điểm bãi nghêu	1
3	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước	1
4	Bãi bồi	2
5	Cửa sông	2
6	Còn lại	3

Tương tự như phân thiết lập bảng điểm cho các vùng có giá trị tài nguyên, sinh thái, phần phủ lưới không gian theo nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế vùng bờ tỉnh Bến Tre cũng được cho thiết lập thông qua 3 loại điểm tương ứng (mức điểm 3, 2, 1) như sau: 1) Mức 3 điểm ứng với những vùng, điểm có tiềm năng phát triển kinh tế tập trung, sinh lợi cao như khu nuôi trồng thủy hải sản, năng lượng sạch; 2) Mức 2 điểm tương ứng với các khu vực có tiềm năng phát triển sản xuất, dịch vụ kinh tế không tập trung, ở mức trung bình như cảng và vùng nước thuộc cảng, khu du lịch và bãi tắm ven biển, khu diêm nghiệp, khu khai thác thủy sản; 3) Mức 1 điểm ứng cho các vùng còn lại, chưa có tiềm năng phát triển kinh tế đáng kể và không sinh lợi lớn. Mức điểm cụ thể tương ứng với các khu vực này được cho ở bảng 2.

Bảng 2: Bảng cho điểm tiềm năng phát triển kinh tế vùng bờ

TT	Tiềm năng phát triển kinh tế	Điểm
1	Phát triển nuôi trồng thủy hải sản	3
2	Phát triển năng lượng sạch	3
3	Phát triển cảng	2
4	Phát triển du lịch	2
5	Phát triển khai thác thủy sản	2
6	Phát triển diêm nghiệp	2
7	Phát triển khu dân cư	1
8	Phát triển đa mục tiêu	1

Từ các lớp tái phân loại giá trị tài nguyên sinh thái theo bảng 1 và tiềm năng phát triển kinh tế xã hội theo bảng 2, lớp tổ hợp về giá trị tài nguyên, sinh thái và nhu cầu phát triển kinh tế được xây dựng dựa trên phép cộng đại số giữa hai lớp này. Giá trị của các ô lưới trong lớp tổ hợp được thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3: Bảng tổng hợp giá trị tài nguyên, sinh thái và nhu cầu phát triển kinh tế

Giá trị tài nguyên sinh thái	Nhu cầu phát triển kinh tế của vùng		
	Mạnh	Trung bình	Yếu
Thấp	6	5	4
Trung bình	5	4	3
Cao	4	3	2

Về nguyên tắc của việc cho điểm trong bảng 1, bảng 2 và cách tính điểm tổng hợp của nghiên cứu này dựa trên quan điểm về phát triển bền vững về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Dựa trên kết quả xử lý các vùng chồng lấn cũng như kết quả phân vùng không gian vùng bờ theo phương pháp chia lưới cho điểm dựa vào việc đánh giá mức độ ưu tiên, vùng bờ tỉnh Bến Tre được phân thành 04 loại vùng chức năng như sau:

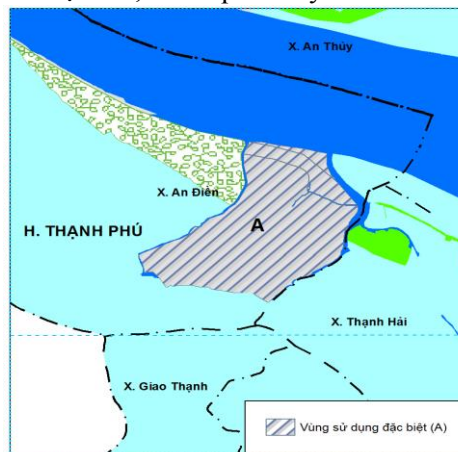
- (I) Vùng sử dụng đặc biệt;
- (II) Vùng bảo tồn;
- (III) Vùng bảo vệ rừng phòng hộ;
- (IV) Vùng phát triển.

Mục đích của việc phân thành 4 vùng chức năng trên là nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng và bảo vùng bờ. Trong đó 4 vùng trên lại được phân loại chi tiết nhằm đề xuất các quy định sử dụng [1]: các hoạt động được phép, các hoạt động có điều kiện và các hoạt động không được phép. Kết quả như sau:

3.1. Vùng sử dụng đặc biệt (A)

Dựa vào quy hoạch và hiện trạng sử dụng đất kết hợp với các phương pháp chồng chấp bản đồ, phân tích ma trận mâu thuẫn, vùng sử dụng đặc biệt được đề xuất là vùng đất nằm ở xã An Điền, huyện Thạnh Phú (gần cửa sông Hàm Luông) với diện tích khoảng 632 ha. Vùng này được thể hiện trên hình 1 và trên bản đồ tổng thể trong phần phụ lục. Đây là vùng ưu tiên đặc biệt các mục tiêu quốc phòng, an ninh cũng như bảo tồn, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ngoài ra nó còn hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường.

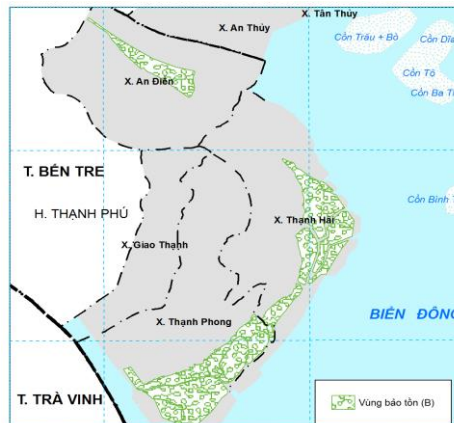
Các hoạt động được phép trên vùng này gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh. Các hoạt động có điều kiện bao gồm: bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường và xây dựng cảng, bến tàu thuyền. Các hoạt động không được phép bao gồm: khai hoang đất ngập nước và đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.



Hình 1: Vùng sử dụng đặc biệt (A)

3.2. Vùng bảo tồn (B)

Vùng bảo tồn được đề xuất theo Quyết định số 57/2005/QĐ-TTg ngày 23/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc điều chỉnh ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thạnh Phú với diện tích 2.584 ha trải dài trên 03 xã An Điền, Thạnh Phong và Thạnh Hải của huyện Thạnh Phú. Chức năng của vùng này là: bảo tồn lâu dài các sinh cảnh và các giá trị sinh thái, cảnh quan; bảo tồn các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và bị đe dọa; bảo tồn các chức năng tự nhiên của vùng, nhạy cảm với tác động của con người, thiên tai và BĐKH; hạn chế tiếp cận khai thác tài nguyên; bảo vệ chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn riêng.

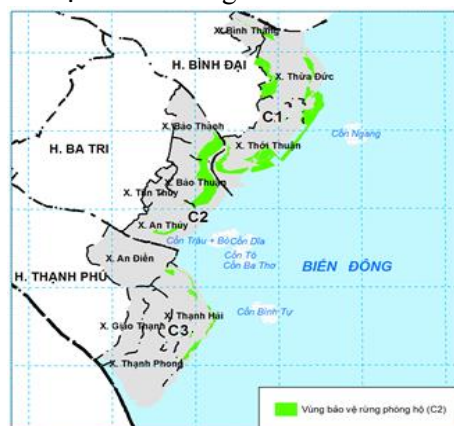


Hình 2: Vùng bảo tồn (B)

Các hoạt động được phép gồm: tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn. Hoạt động có điều kiện gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; tham quan, du lịch và nuôi trồng thủy sản. Các hoạt động không được phép là: khai thác gỗ; săn bắn động vật; xây dựng cơ sở hạ tầng; khai hoang đất ngập nước; đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

3.3. Vùng bảo vệ rừng phòng hộ (C)

Dựa trên quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, hiện trạng phát triển rừng kết hợp với các phương pháp xử lý vùng chông lấn và cho điểm ưu tiên, vùng bảo vệ rừng phòng hộ được đề xuất bao gồm 3 tiểu vùng như sau: vùng bảo vệ rừng phòng hộ huyện Bình Đại (C1) có diện tích khoảng 1.889 ha; vùng bảo vệ rừng phòng hộ huyện Ba Tri (C2) có diện tích khoảng 1.633 ha và vùng bảo vệ rừng phòng hộ huyện Thạnh Phú (C3) có diện tích khoảng 341 ha.



Hình 3: Vùng bảo vệ rừng phòng hộ (C)

Vùng này được xác định nhằm: Bảo vệ và phát triển rừng, phát huy chức năng phòng hộ của rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ hệ thống đê biển; quản lý

chặt chẽ các hoạt động khai thác các loại tài nguyên, phát triển kinh tế - xã hội, giảm thiểu mâu thuẫn bất cập trong sử dụng không gian và các nguồn tài nguyên chung.

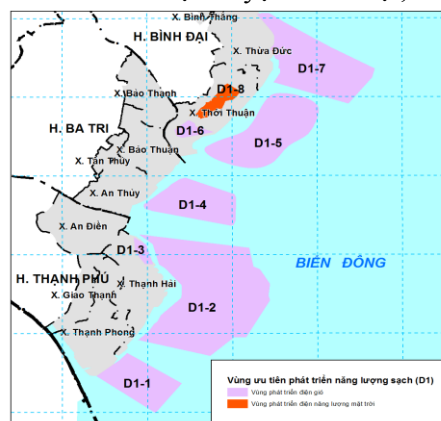
Các hoạt động được phép trên vùng này là: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra, giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình bảo vệ bờ biển; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn và điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường. Các hoạt động có điều kiện gồm: nuôi trồng thủy sản; tham quan và du lịch. Hoạt động không được phép là khai thác gỗ; săn bắn động vật; xây dựng cơ sở hạ tầng; đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

3.4. Vùng phát triển (D)

Vùng phát triển là vùng ưu tiên cho các hoạt động phát triển kinh tế vùng bờ. Vùng này có ưu thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và vị thế địa lý để phát triển các ngành kinh tế như: năng lượng; đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cảng, đường thủy; du lịch;...

3.4.1. Vùng ưu tiên phát triển năng lượng sạch (D1)

Vùng này được đề xuất theo Quyết định số 2497/QĐ-BCT ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bến Tre giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và theo báo cáo “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Bình Đại - tỉnh Bến Tre”, sau khi chòng chấp bản đồ vùng ưu tiên phát triển năng lượng sạch tỉnh Bến Tre sẽ được phân thành những vùng như sau: vùng phát triển điện gió ven biển xã Thạnh Phong, Thạnh Hải huyện Thạnh Phú, diện tích là 3.200 ha (D1-1); vùng phát triển điện gió xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú, diện tích là 11.600 ha (D1-2); vùng phát triển điện gió ven biển xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú, diện tích là 340 ha (D1-3); vùng phát triển điện gió ven biển xã Bảo Thuận, Tân Thủy, An Thủy huyện Ba Tri, diện tích là 2.900 ha (D1-4); vùng phát triển năng lượng gió ven biển xã Thới Thuận huyện Bình Đại, diện tích là 5.700 ha (D1-5); vùng phát triển năng lượng gió xã Thới Thuận huyện Bình Đại, diện tích là 500 ha (D1-6); vùng phát triển năng lượng gió ven biển xã Thừa Đức huyện Bình Đại, diện tích là 8.100 ha (D1-7); vùng phát triển năng lượng mặt trời xã Thới Thuận huyện Bình Đại, diện tích là 700 ha (D1-8).



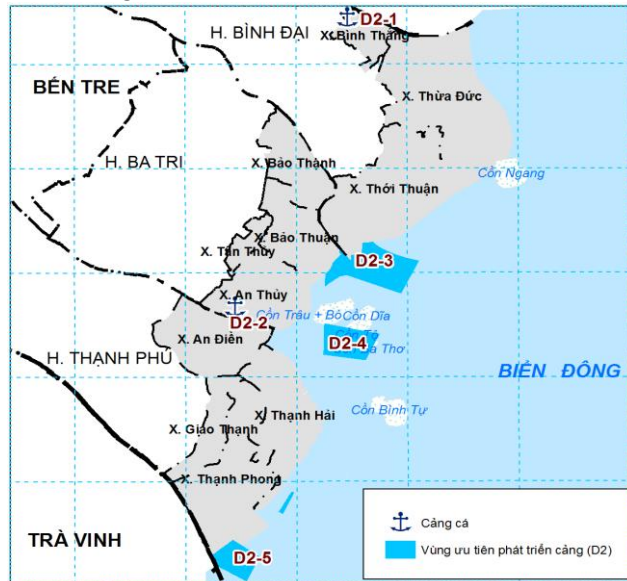
Hình 4: Vùng ưu tiên phát triển năng lượng sạch (D1)

Đây là vùng khai thác tiềm năng phát triển năng lượng sạch để tăng thêm nguồn điện, đảm bảo quốc an ninh năng lượng quốc gia và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Các hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hoạt động có điều kiện là: xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; giao thông hàng hải; đánh bắt hải sản. Hoạt động không được phép gồm: nhận chìm ở biển; đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

3.4.2. Vùng ưu tiên phát triển cảng (D2)

Vùng ưu tiên phát triển cảng của vùng bờ tỉnh Bến Tre được đề xuất dựa theo thông tư số 55/2015/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải sẽ bao gồm các tiểu vùng sau đây: cảng cá Bình Thắng và khu dịch vụ hậu cần nghề cá (D2-1) có diện tích khoảng 11 ha; cảng cá Ba Tri và khu dịch

vụ hậu cần nghề cá (D2-2) có diện tích khoảng 23 ha; vùng nước cảng biển tại cửa sông Ba Lai (D2-3) có diện tích khoảng 1.897 ha, tại cửa sông Hàm Luông (D2-4) có diện tích khoảng 1.067,5 ha và tại cửa sông Cổ Chiên (D2-5) có diện tích khoảng 819,7 ha.



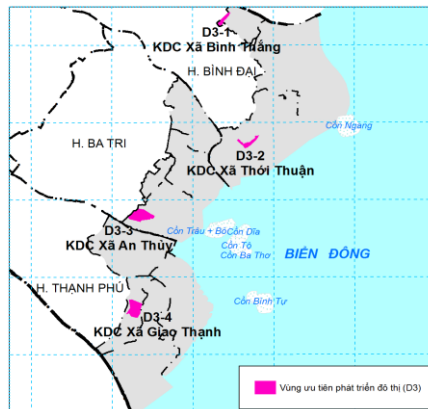
Hình 5: Vùng ưu tiên phát triển cảng (D2)

Mục tiêu của phân vùng này là phát triển mạng lưới giao thông biển, kết nối với các vùng lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng bờ. Các hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xây dựng công trình bảo vệ bờ biển; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; giao thông hàng hải; xây dựng công trình phục vụ du lịch; xây dựng cảng, bến tàu thuyền; xây dựng kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất và xây dựng cơ sở hạ tầng. Hoạt động có điều kiện gồm: thăm dò, khai thác khoáng sản, năng lượng biển; nạo vét chống bồi lắng; đánh bắt hải sản; nuôi trồng thủy sản. Hoạt động không được phép gồm nhận chìm ở biển; đổ chất thải nạo vét, chừa qua xử lý.

3.4.3. Vùng ưu tiên phát triển đô thị (D3)

Vùng ưu tiên phát triển đô thị được đề xuất dựa theo quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2020 cũng như hiện trạng phát triển đô thị vùng ven biển tỉnh Bến Tre bao gồm: khu dân cư xã Bình Thắng, huyện Bình Đại với diện tích khoảng 83,9 ha (D3-1); khu dân cư xã Thới Thuận, huyện Bình Đại với diện tích khoảng 98,6 ha (D3-2); khu dân cư xã An Thủy, huyện Ba Tri với diện tích khoảng 289,4 ha (D3-3) và khu dân cư xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, với diện tích khoảng 248,2 ha (D3-4).

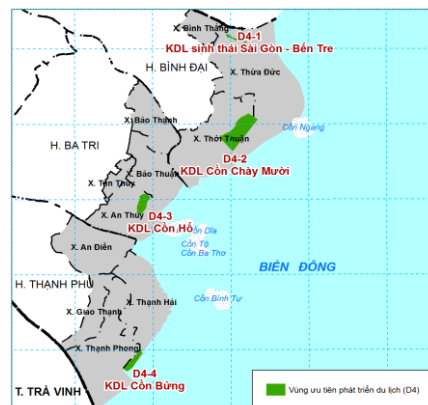
Mục tiêu phân vùng là phát triển các khu dân cư ven biển thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, các trung tâm tiến ra biển và các hạt nhân tăng trưởng của từng tiểu vùng để thúc đẩy kinh tế biển, đảo. Các hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng. Hoạt động có điều kiện gồm sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc. Hoạt động không được phép gồm chặt đốn cây, làm giảm độ phủ xanh và các hoạt động gây suy thoái cảnh quan.



Hình 6: Vùng ưu tiên phát triển đô thị (D3)

3.4.4. Vùng ưu tiên phát triển du lịch (D4)

Vùng phát triển du lịch vùng bờ được đề xuất dựa vào quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, hiện trạng phát triển du lịch vùng ven biển tỉnh Bến Tre. Vùng phát triển du lịch còn được đề xuất sau khi chồng chấp bản đồ và xử lý vùng chồng lấn với vùng nuôi trồng thủy sản. Vùng đề xuất gồm 4 tiểu vùng: khu du lịch sinh thái Sài Gòn - Bến Tre: thuộc xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, có diện tích khoảng 55,4 ha (D4-1); khu du lịch Cồn Chày Mười: thuộc xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, có diện tích khoảng 750,5 ha (D4-2); khu du lịch Cồn Hố: nằm trên 2 xã An Thủy và Tân Thủy thuộc huyện Ba Tri, có diện tích khoảng 227,4 ha (D4-3) và khu du lịch Cồn Búng: thuộc xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú, có diện tích khoảng 179,2 ha (D4-4).



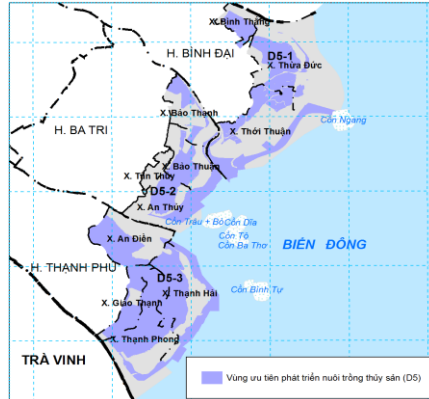
Hình 7: Vùng ưu tiên phát triển du lịch (D4)

Mục tiêu phân vùng này nhằm phát triển tiềm năng du lịch của vùng và bảo vệ các giá trị tự nhiên, sinh thái, lịch sử, văn hóa và cảnh quan. Hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình bảo vệ bờ biển; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; xây dựng công trình phục vụ du lịch; xây dựng cơ sở hạ tầng và tham quan, du lịch. Hoạt động có điều kiện gồm khai thác gỗ; nuôi trồng thủy sản; sản xuất nông nghiệp; xây dựng cảng, bến tàu thuyền; xây dựng kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất. Hoạt động không được phép gồm: săn bắn động vật; nhận chìm ở biển; đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

3.4.5. Vùng ưu tiên phát triển nuôi trồng thủy sản (D5)

Vùng nuôi trồng thủy sản được đề xuất dựa vào quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản trên địa bàn ba huyện Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú đến năm 2020, đồng thời sau khi chồng chấp bản đồ và xử lý vùng chồng lấn với vùng bảo vệ rừng phòng hộ, vùng phát triển du lịch, vùng đề xuất bao gồm các tiểu vùng sau: vùng nuôi trồng thủy sản huyện Bình Đại (D5-1): tổng diện tích 6.598,5 ha, trong đó diện tích nuôi nhêu là 2.015,8 ha; vùng nuôi trồng thủy sản huyện Ba Tri (D5-2): tổng diện tích 4.529,7 ha, trong đó

diện tích nuôi nghêu là 1.516,5 ha và vùng nuôi trồng thủy sản huyện Thạnh Phú (D5-3): tổng diện tích 10.891,8 ha, trong đó diện tích nuôi nghêu là 1.798,5 ha.

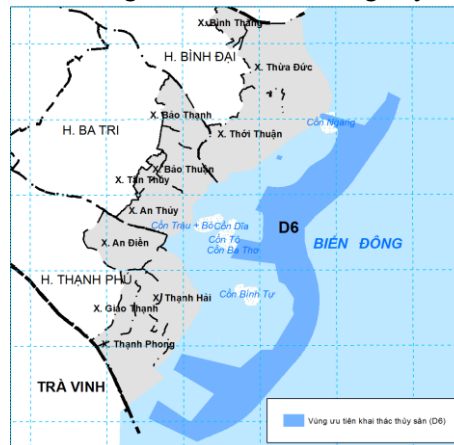


Hình 8: Vùng ưu tiên phát triển nuôi trồng thủy sản (D5)

Mục tiêu phân vùng là phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản vùng cửa sông và trên diện tích đất nhiễm mặn, đất sản xuất nông nghiệp không hiệu quả. Các hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình bảo vệ bờ biển; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng; tham quan, du lịch. Hoạt động có điều kiện gồm: xây dựng công trình phục vụ du lịch; sản xuất nông nghiệp; chăn nuôi gia súc; xây dựng kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất. Hoạt động không được phép gồm nhận chìm ở biển và đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

3.4.6. Vùng ưu tiên khai thác thủy sản (D6)

Vùng khai thác thủy sản được đề xuất dựa trên Quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành theo quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND Tỉnh. Vùng này được giới hạn từ vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất điện gió trở ra phía biển và đường giới hạn theo tọa độ các điểm mốc trên vùng biển Bến Tre. Vùng này có diện tích khoảng 25.715,3 ha.



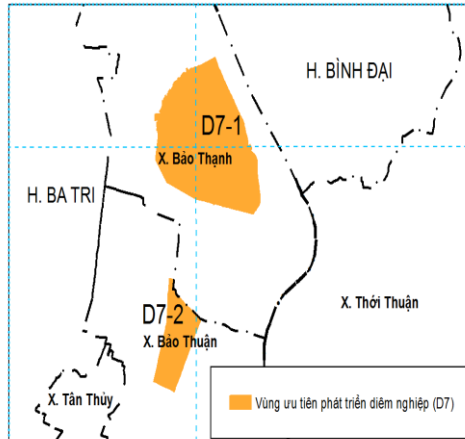
Hình 9: Vùng ưu tiên khai thác thủy sản (D6)

Mục tiêu phân vùng nhằm phát triển khai thác thủy sản theo hướng bền vững nguồn lợi thủy sản, tuân thủ các quy định tại quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND tỉnh Bến Tre về việc khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Các hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; giao thông hàng hải; đánh bắt hải sản và nhận chìm ở biển. Hoạt

động có điều kiện gồm thăm dò, khai thác khoáng sản, năng lượng biển và xây dựng kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất. Hoạt động không được phép là đổ chất thải nạo vét, chừa qua xử lý.

3.4.7. *Vùng ưu tiên phát triển diêm nghiệp (D7)*

Vùng phát triển diêm nghiệp được đề xuất dựa vào quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất. Sau khi phân vùng, vùng ưu tiên phát triển diêm nghiệp tập trung tại 2 xã Bảo Thuận và Bảo Thạnh thuộc huyện Ba Tri với tổng diện tích khoảng 712 ha và được chia ra làm 2 tiểu vùng là vùng phát triển diêm nghiệp xã Bảo Thạnh (D7-1) và vùng phát triển diêm nghiệp xã Bảo Thuận (D7-2).

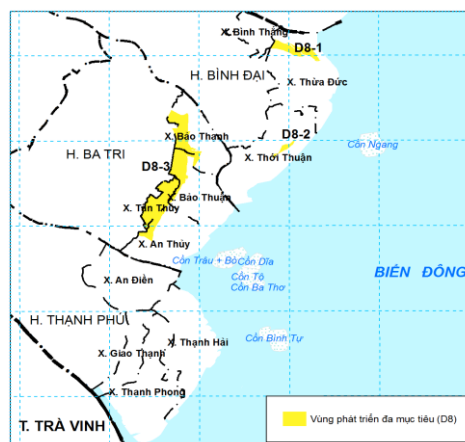


Hình 10: Vùng ưu tiên phát triển diêm nghiệp (D7)

Mục tiêu phân vùng là phát triển hoạt động làm muối nơi đất thấp, phẳng, đất sản xuất nông nghiệp không hiệu quả. Hoạt động được phép gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng; tham quan, du lịch. Hoạt động có điều kiện gồm xây dựng công trình phục vụ du lịch và kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất. Hoạt động không được phép là đổ chất thải nạo vét, chừa qua xử lý.

3.4.8. *Vùng phát triển đa mục tiêu (D8)*

Đây là phần còn lại của vùng nghiên cứu không thuộc tất cả các vùng đã nêu ở trên, nơi có đầy đủ các hoạt động kinh tế - xã hội. Mặc dù có một số hoạt động trong vùng như phát triển đô thị, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...; tuy nhiên các khu vực hay hoạt động này khá phân tán so với quy mô cả vùng, được phân định về không gian chưa rõ ràng, đồng thời bị chi phối bởi các quy hoạch ngành tương ứng và các quy định về bảo vệ môi trường cụ thể. Do đó, chúng không được xem xét riêng biệt trong sơ đồ phân vùng này.



Hình 11: Vùng phát triển đa mục tiêu (D8)

Khu vực đề xuất bao gồm: vùng phát triển đa mục tiêu xã Thửa Đức huyện Bình Đại (D8-1), có diện tích khoảng 403,4 ha; vùng phát triển đa mục tiêu xã Thới Thuận huyện Bình Đại (D8-2), có diện tích

khoảng 78,8 ha; vùng phát triển đa mục tiêu xã Bảo Thạnh, Bảo Thuận, Tân Thủy, An Thủy huyện Ba Tri (D8-3), có diện tích khoảng 2.458,7 ha.

Hoạt động được phép bao gồm: xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tuần tra giám sát đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo tồn sinh cảnh, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng công trình phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng công trình phục vụ công tác bảo tồn; điều tra, khảo sát tài nguyên, nghiên cứu khoa học, quan trắc môi trường; sản xuất nông nghiệp; chăn nuôi gia súc; xây dựng công trình phục vụ du lịch; xây dựng cảng, bến tàu thuyền; xây dựng cơ sở hạ tầng và tham quan, du lịch. Hoạt động có điều kiện gồm nuôi trồng thủy sản và xây dựng kho chứa dầu, nhiên liệu, hóa chất. Hoạt động không được phép gồm đổ chất thải nạo vét, chưa qua xử lý.

4. KẾT LUẬN

Bằng việc áp dụng các phương pháp phân vùng như chia lưới cho điểm, chồng chập các lớp bản đồ, xây dựng ma trận mâu thuẫn dựa trên nhu cầu khai thác và sử dụng tài nguyên và môi trường vùng bờ tỉnh Bến Tre, đề tài đã cơ bản giải quyết được sự chồng chéo trong việc sử dụng và quản lý của một số ngành, lĩnh vực. Từ đó, đề tài đã phân vùng vùng bờ tỉnh Bến Tre được 04 nhóm vùng chính là vùng sử dụng đặc biệt, vùng bảo tồn, vùng bảo vệ và vùng phát triển, trong đó có 08 tiểu vùng. Mỗi vùng có những đặc điểm riêng, chức năng riêng, quy định sử dụng riêng và giữ một vai trò nhất định trong vùng bờ.

Kết quả tổng hợp sau khi phân vùng cho thấy, các vùng chiếm ưu thế ở vùng bờ tỉnh Bến Tre là vùng phát triển năng lượng sạch với diện tích là 33.040 ha và vùng khai thác thủy sản với diện tích là 25.715 ha. Trong tương lai, đây là các ngành phát triển kinh tế mũi nhọn của tỉnh nói chung và vùng bờ của tỉnh nói riêng

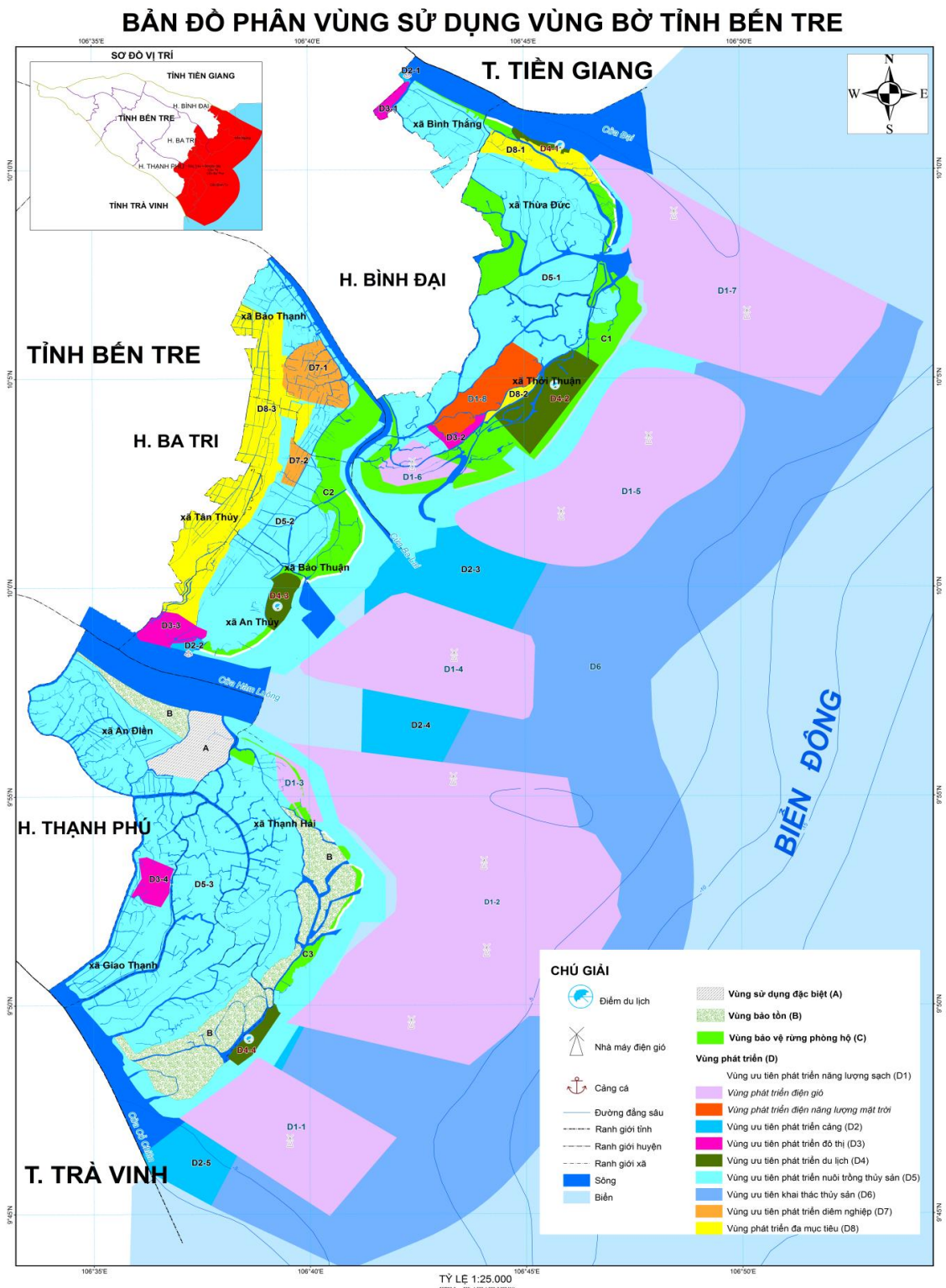
Phân vùng chức năng vùng bờ là một lĩnh vực khoa học còn mới ở Việt Nam và trên thế giới, vẫn còn những ý kiến khác nhau về quan niệm và phương pháp tiếp cận của các chuyên gia. Vì vậy, kết quả nghiên cứu vẫn còn nhiều hạn chế và cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa phương pháp luận phân vùng chức năng cũng như thực hiện các hạng mục công việc liên quan đến phân vùng và rà soát các tiêu chí nhằm hoàn thiện hơn sơ đồ phân vùng chức năng vùng bờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Báo cáo Quy hoạch sử dụng biển Việt Nam đến năm 2050 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2017 – 2025, <http://www.monre.gov.vn/>.
- [2] UBND tỉnh Bến Tre (2010), Báo cáo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, <http://www.bentre.gov.vn/>.
- [3] Tổng cục Môi trường (2009), Báo cáo Nghiên cứu, xây dựng phương pháp luận phân vùng chức năng môi trường phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch theo định hướng phát triển bền vững.
- [4] Tổng cục Môi trường (2008), Báo cáo Quản lý tổng hợp đới bờ - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn triển khai tại Việt Nam.
- [5] Nguyễn Chu Hồi (2009), Phân vùng quản lý tổng hợp vùng bờ, Khoa Môi trường trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] UN-Habitat và UNEP (2008), Building an Environmental Management Information System (EMIS), Sustainable Cities Program (SCP), <https://unhabitat.org/authors/unep/>.
- [7] PEMSEA (2007), Coastal Land- and Sea-Use Zoning Plan of the Province of Bataan, <http://www.pemsea.org/>.

Ngày nhận bài: 03/08/2018

Ngày chấp nhận đăng: 05/12/2018



Hình 12: Bản đồ phân vùng vùng bờ tỉnh Bến Tre